

KẾ TOÁN SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN THEO IAS 36: THÁCH THỨC VÀ HẠN CHẾ TRONG THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

● ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC

Học viện Ngân hàng

DOI: <https://doi.org/10.62831/202508018>

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ hiện nay, các doanh nghiệp (DN) đang tận dụng những lợi ích đáng kể từ các tiến bộ công nghệ, bao gồm các phát minh, sáng chế và kỹ thuật mới, nhằm tạo ra và nâng cao năng lực sản xuất thông qua việc đầu tư vào tài sản cố định (TSCĐ) như máy móc, thiết bị. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, các DN cũng phải đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là nguy cơ tụt hậu về công nghệ dẫn đến sự suy giảm giá trị của tài sản. Tại Việt Nam, việc ghi nhận và xử lý sự suy giảm giá trị TSCĐ còn hạn chế, do chuẩn mực kế toán chưa cụ thể và phù hợp để phản ánh một cách chính xác. Bài viết này sẽ tập trung nghiên cứu cơ sở lý thuyết về việc ghi nhận và đo lường suy giảm giá trị tài sản cố định theo Chuẩn mực Kế toán Quốc tế IAS 36 - Impairment of Assets nhằm làm rõ các quy định, phương pháp áp dụng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, bài viết cũng nhận diện những khó khăn, bất cập khi áp dụng IAS 36 tại Việt Nam để có cơ sở đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng áp dụng IAS 36, giúp doanh nghiệp tuân thủ tốt hơn các chuẩn mực quốc tế và nâng cao chất lượng thông tin tài chính.

Từ khóa: IAS 36, suy giảm giá trị tài sản, kế toán tài sản cố định, tổn thất tài sản, đo lường suy giảm giá trị.

1. Chuẩn mực IAS 36 - Impairment of Assets

1.1. Tổng quan

Chuẩn mực IAS 36 áp dụng đối với TSCĐ hữu hình là: đất đai, nhà cửa, máy móc thiết bị; TSCĐ vô hình là: bất động sản đầu tư theo mô hình giá gốc, lợi thế thương mại. Mục tiêu của IAS 36 đảm bảo các tài sản của doanh nghiệp được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi được.

Chuẩn mực IAS 36 cũng xác định khi nào tài sản bị suy giảm, cách nhận biết tổn thất giá trị tài sản, khi nào một doanh nghiệp nên hoàn nhập khoản lỗ này và thông tin nào liên quan đến việc suy giảm phải được trình bày trong báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng chung

IAS 36 đảm bảo tài sản của một DN không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi được (giá trị

có thể thu hồi được là giá trị cao hơn giữa giá trị còn lại và giá trị hợp lý trừ chi phí thanh lý). Ngoài trừ lợi thế thương mại và một số tài sản vô hình được yêu cầu kiểm tra tổn thất hàng năm, các DN phải tiến hành các thử nghiệm suy giảm khi có dấu hiệu suy giảm giá trị tài sản và thử nghiệm có thể được tiến hành cho một “đơn vị tạo ra tiền” (Cash-generating unit - CGU) khi một tài sản không tạo ra dòng tiền độc lập với các tài sản khác. Khái niệm về đơn vị tạo ra dòng tiền là nhóm tài sản có thể xác định nhỏ nhất tạo ra dòng tiền, phần lớn độc lập với dòng tiền từ các tài sản hoặc nhóm tài sản khác.

Áp dụng IAS 36 có thể tác động đáng kể đến giá

trị tài sản của đơn vị, đặc biệt là đối với TSCĐ hữu hình với sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và khấu hao trong tương lai cũng cần được điều chỉnh tương ứng.

Suy giảm giá trị được ghi nhận như một khoản chi phí (trừ khi nó liên quan đến một tài sản được đánh giá lại, trong đó tổn thất được xem là giảm khi đánh giá lại). Việc ghi nhận suy giảm giá trị tài sản sẽ ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của đơn vị trong kỳ kế toán, không chỉ là kết quả kinh doanh hiện tại, mà còn là cả sự sụp đổ dự kiến trong tương lai của DN.

1.2. Nội dung của IAS 36

Nội dung	IAS 36 - Suy giảm giá trị
Xác định một tài sản có thể bị suy giảm	• DN sẽ đánh giá tại ngày báo cáo xem có bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy một tài sản có thể bị suy giảm giá trị. Nếu có bất kỳ dấu hiệu nào như vậy tồn tại, DN sẽ ước tính giá trị có thể thu hồi được của tài sản. • Bất kể có dấu hiệu suy giảm nào hay không, DN cũng sẽ thực hiện đánh giá suy giảm cho giá trị hữu ích vô thời hạn hoặc một TSCĐ vô hình chưa có sẵn để sử dụng; lợi thế thương mại có được do hợp nhất kinh doanh. • Nếu có bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy một tài sản có thể bị suy giảm, giá trị có thể thu hồi được sẽ được ước tính cho từng tài sản riêng lẻ. Nếu không thể ước tính số tiền có thể thu hồi của tài sản riêng lẻ, DN sẽ xác định số tiền có thể thu hồi được của đơn vị tạo ra tiền mà tài sản đó thuộc về.
Ghi nhận giá trị suy giảm	• Một khoản suy giảm giá trị được ghi nhận bất cứ khi nào giá trị có thể thu hồi được thấp hơn giá trị ghi sổ và phải được ghi nhận giảm giá trị ghi sổ của tài sản và chi phí tương ứng trong báo cáo kết quả kinh doanh. Khấu hao tài sản sẽ được điều chỉnh cho các giai đoạn trong tương lai. • Nếu không thể xác định giá trị có thể thu hồi được của một tài sản riêng lẻ thì giá trị có thể thu hồi được của đơn vị tạo ra tiền của tài sản đó sẽ được xác định. • Thử nghiệm suy giảm cho lợi thế thương mại được thực hiện ở mức thấp nhất trong DN mà theo đó lợi thế thương mại được theo dõi cho mục đích quản lý nội bộ, với điều kiện đơn vị hoặc nhóm đơn vị phân bổ lợi thế thương mại không lớn hơn một bộ phận hoạt động (theo IFRS 8).
Đo lường tổn thất	• Giá trị có thể thu hồi của một tài sản hoặc một đơn vị tạo ra tiền là giá trị cao hơn giữa giá trị còn lại và giá thanh lý sau khi đã trừ đi chi phí bán. • Giá trị hợp lý là giá sẽ được nhận để bán một tài sản hoặc giá phải trả để chuyển giao một khoản nợ trong một giao dịch có trật tự giữa những người tham gia thị trường tại ngày đo lường. • Chi phí thanh lý là chi phí gia tăng liên quan trực tiếp đến việc thanh lý tài sản hoặc đơn vị tạo ra tiền mặt, trừ chi phí tài chính và chi phí thuế thu nhập. • Giá trị sử dụng là giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai dự kiến thu được từ một tài sản hoặc một đơn vị tạo ra tiền.

Nội dung	IAS 36 - Suy giảm giá trị
Hoàn nhập tổn thất tài sản	• Nếu có một dấu hiệu cho thấy sự suy giảm, giá trị có thể thu hồi sẽ được tính toán lại. Giá trị ghi sổ tăng lên do hoàn nhập không được nhiều hơn giá gốc đã khấu hao nếu việc suy giảm không được ghi nhận. Khoản hoàn nhập của khoản suy giảm giá trị được ghi nhận vào khoản lãi hoặc lỗ trừ khi nó liên quan đến một tài sản được đánh giá lại. Khấu hao sẽ được điều chỉnh cho các giai đoạn trong tương lai.
Phạm vi áp dụng	Áp dụng cho: ❖ Tài sản cố định (IAS 16) ❖ Tài sản đầu tư theo giá gốc (IAS 40) ❖ Tài sản vô hình (IAS 38) ❖ Lợi thế thương mại ❖ Công ty con, liên kết theo giá gốc Không áp dụng cho: ❖ Hàng tồn kho (IAS 2) ❖ Tài sản tài chính (IFRS 9) ❖ Thuế hoãn lại (IAS 12) ❖ Lợi ích nhân viên (IAS 19) ❖ Hợp đồng xây dựng (IFRS 15) ❖ Tài sản đầu tư tại FV (IAS 40) ❖ Tài sản nông nghiệp tại FV (IAS 41) ❖ Hợp đồng bảo hiểm (IFRS 4 hoặc IFRS 17) ❖ Tài sản dài hạn để bán (IFRS 5)

2. Thách thức và hạn chế khi áp dụng IAS 36 tại Việt Nam

Hiện nay, hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) chưa có quy định nào liên quan đến vấn đề suy giảm giá trị tài sản. Do vậy, sẽ rất khó có cơ sở để trình bày thông tin tài sản trên báo cáo tài chính thế nào là đúng và chuẩn. Chính vì thế, để có thể áp dụng và tính toán được sự suy giảm giá trị tài sản của các DN hiện nay vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể như sau:

Thứ nhất, xác định mức độ suy giảm giá trị của tài sản. Kiểm tra mức độ suy giảm giá trị tài sản được thực hiện từng tài sản riêng lẻ hay một nhóm tài sản - đơn vị tạo ra tiền (CGU) - là một nhóm tài sản nhỏ nhất có khả năng tạo ra dòng tiền một cách độc lập. Do vậy, kế toán phải tách biệt từng tài sản riêng lẻ, hay một nhóm tài sản (CGU) > Nếu kế toán không xác định chính xác

nhóm (CGU) rất có thể dẫn tới một số tài sản không hề bị suy giảm giá trị, nhưng do gộp vào nhóm (CGU) thì phải gánh luôn cả phần lỗ từ suy giảm giá trị tài sản của nhóm. Ví dụ như bể bơi trong chung cư, nếu chỉ phục vụ chủ yếu cho sinh hoạt của cư dân thì bể bơi không tạo ra dòng tiền độc lập và tài sản này phải gộp vào một nhóm tài sản là toàn bộ tòa nhà chung cư; Nhưng nếu cho bên ngoài bơi và thu tiền vé thì bể bơi sẽ tạo ra được luồng tiền độc lập. Do vậy, cơ sở để xác định chính xác nhóm tài sản nào bị suy giảm giá trị cũng là việc không đơn giản.

Thứ hai, thách thức từ tính phức tạp của mô hình tính toán. Để tính được giá trị thu hồi của tài sản bị suy giảm thì phải xác định đâu là giá trị hợp lý trừ đi chi phí bán (Fair Value Less Costs to Sell - FVLCD) và so sánh với giá trị sử dụng của tài sản (Value in Use - VIU). Đây là 2 thông số

khá phức tạp để tính toán. Trong đó, giá trị hợp lý là mức giá mà một tài sản có thể được trao đổi giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong một giao dịch ngang giá và hướng dẫn xác định giá trị hợp lý dựa trên 3 quan điểm: thị trường, thu nhập và giá phí. Khi áp dụng giá trị hợp lý, Nhà nước phải kiểm soát chặt chẽ để tránh việc lạm dụng giá trị hợp lý làm điều chỉnh tăng/giảm giá trị tài sản theo ý muốn chủ quan của DN và có thể là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng “bong bóng tài sản”. Bên cạnh đó, khi tính toán giá trị sử dụng (VIU), nhà quản lý phải đưa ra các giả định và xét đoán liên quan đến ước tính dòng tiền tạo ra từ tài sản trong tương lai, ví dụ như: tỷ lệ tăng trưởng hàng năm và tăng trưởng đều, tỷ lệ chiết khấu dòng tiền... Các yếu tố này mang tính chủ quan và rất có thể đưa ra các giả định nhằm tạo ra giá trị sử dụng cao hơn để tránh ghi nhận một khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản.

Thứ ba, khó khăn khi đánh giá mức độ suy giảm của lợi thế thương mại. Theo IAS 36, các khoản lợi thế thương mại phải được đánh giá tổn thất hàng năm cho dù có dấu hiệu suy giảm hay không. Tuy nhiên, lợi thế thương mại được cho là khó xác định được thời gian sử dụng hữu ích và cũng khó tính toán được những lợi ích tạo ra trong một chu kỳ kinh doanh. Do vậy, lợi thế thương mại cũng tương tự tài sản dùng chung, không thể tự tạo ra dòng tiền mà phải được phân bổ vào nhóm tài sản để thực hiện kiểm tra suy giảm giá trị tài sản. Khi phân bổ phải tính toán chỉ phân bổ cho các nhóm tài sản có liên quan đến việc tạo thành lợi thế thương mại. Tuy nhiên, việc xác định lợi thế thương mại thường phát sinh ở một số DN có quy mô lớn khi hợp nhất kinh doanh, chỉ đo lường được một lần duy nhất vào lúc sáp nhập mà chưa hề có quy định hướng dẫn cụ thể đối với đánh giá suy giảm giá trị lợi thế thương mại trong những năm tài chính tiếp theo.

Thứ tư, nhận thức từ phía quản lý DN. Các nhà quản lý đều biết rằng, nếu đánh giá giá trị TSCĐ tại thời điểm lập báo cáo tài chính sẽ phản ánh đúng giá trị của TSCĐ của DN. Tuy nhiên, khi áp

dụng chuẩn mực kế toán suy giảm giá trị tài sản phải sử dụng nhiều các ước tính, ví dụ như: ước tính giá trị hợp lý, tỷ lệ chiết khấu... rất có thể làm cho giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của DN bị giảm đi, vô tình tạo những khó khăn cho DN trong quá trình hợp tác, đầu tư kinh doanh khiến cho nhà quản lý có tâm lý e ngại không muốn thay đổi phương thức đánh giá lại TSCĐ.

3. Một số kiến nghị đề xuất

Chuẩn mực IAS 36 nhằm giải đáp câu hỏi khi nào và áp dụng phương pháp kiểm tra sự suy giảm giá trị tài sản. IAS 36 là một trong những IFRS đã được sửa đổi và cập nhật hàng năm. Chuẩn mực này đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia từ ngày 01/01/2005, khi phiên bản sửa đổi có hiệu lực. Tuy nhiên, nội dung này vẫn chưa được đề cập tại Việt Nam. Vì vậy, cần xây dựng và áp dụng được IAS 36 theo một số định hướng như sau:

3.1. Về phía cơ quan quản lý

- Hình thành chuẩn mực kế toán về suy giảm giá trị tài sản, trong đó có nội dung liên quan đến đánh giá lợi thế thương mại và các quy định về đo lường giá trị hợp lý nhằm thống nhất nội dung trong hạch toán, ghi nhận và trình bày thông tin trên BCTC về suy giảm giá trị tài sản của DN. Tạo hành lang pháp lý phù hợp cho sự phát triển của GTHL ở Việt Nam trong luật và chuẩn mực chung như một cách định giá riêng. Bên cạnh đó, cần xây dựng hệ thống cơ sở lý luận về “nguyên tắc GTHL”. Việc ban hành hệ thống CMKT hướng tới sự đo lường TS dựa trên cơ sở GTHL nhằm đảm bảo tính hữu ích của thông tin kế toán đối với các đối tượng sử dụng, đồng thời cho phép sử dụng xét đoán và ước tính nhiều hơn trong các yêu cầu khai báo thông tin nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

- Ban hành các thông tư, nghị định hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn cụ thể liên quan đến quản lý và hạch toán suy giảm giá trị tài sản.

- Việc xây dựng và ban hành các chuẩn mực kế toán liên quan đến suy giảm giá trị tài sản đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa các chuyên gia tài chính và các chuyên gia định giá độc lập. Điều

này xuất phát từ yêu cầu phải có kiến thức chuyên môn sâu rộng trong tính toán dòng tiền chiết khấu và xác định giá trị hợp lý, đồng thời đòi hỏi sự am hiểu toàn diện về thị trường và các yếu tố kinh tế vĩ mô. Có kết hợp được tốt các yếu tố này thì mới giúp cho việc định giá và thông tin kế toán được xây dựng một cách chính xác, minh bạch và phản ánh đúng giá trị thực tế của tài sản, từ đó nâng cao độ tin cậy và chất lượng của báo cáo tài chính.

3.2. Về phía các tổ chức và hiệp hội nghề nghiệp

- Các tổ chức nghề nghiệp cần phải được nâng cao vai trò để trở thành tổ chức nghề nghiệp đủ mạnh đảm nhận việc soạn thảo các chuẩn mực, cũng như giám sát việc thực thi các chuẩn mực. Nên thành lập Ủy ban Chuẩn mực kế toán Việt Nam, nòng cốt là thành viên của Hiệp hội ngành nghề kế toán như VAA, VACPA, ACCA... cùng các chuyên gia đầu ngành tại các trường đại học, duy trì hoạt động liên tục, chịu sự giám sát của Hội đồng quốc gia về kế toán. Ủy ban này có vai trò hướng dẫn, tham gia giám định và xử lý các vấn đề vướng mắc về kế toán, tổ chức các hội nghị diễn đàn về kế toán GTHL có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài nhằm trao đổi kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn.

- Cần tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức và hiệp hội nghề nghiệp kế toán với các cơ sở đào tạo chuyên ngành. Mục tiêu của sự hợp tác này nhằm tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho nguồn nhân lực trong lĩnh vực kế toán, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn nghề nghiệp.

3.3. Về phía các doanh nghiệp

- Các DN tập trung đánh giá các dấu hiệu suy giảm giá trị tài sản liên quan trực tiếp đến tài sản.

- Hiện nay, DN thường xác định CGU một cách đơn giản là một CGU bao gồm toàn bộ tài sản của DN, dẫn tới một số tài sản lẻ ra không bị suy giảm giá trị sẽ phải gánh luôn cả phần lỗ từ suy giảm của tài sản bị suy giảm.

- Các DN Việt Nam cần chuẩn bị kỹ lưỡng, đặc biệt là trang bị kiến thức về IFRS cho đội ngũ nhân viên tài chính kế toán để có thể sẵn sàng áp dụng các chuẩn mực có tính chất phức tạp như chuẩn mực IAS 36.

- Nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán để có thể sẵn sàng áp dụng các chuẩn mực có tính phức tạp như IAS 36; cụ thể bằng những khóa học bổ trợ về năng lực chuyên môn, trình độ ngoại ngữ để có thể đọc hiểu và áp dụng. Có chính sách tuyển dụng, tìm kiếm, chiêu mộ các nhân sự trong và ngoài nước, có chế độ lương, thưởng... tương xứng với trình độ chuyên môn.

4. Kết luận

Chuẩn mực IAS 36 ra đời từ khá lâu và hướng dẫn rất rõ ràng các bước xác định cũng như tính toán và ghi nhận khoản lỗ từ suy giảm giá trị tài sản. Đây là một trong những chuẩn mực có tính phức tạp cao, cần nhiều xét đoán, cũng như yêu cầu cao về độ tin cậy của các giả định được sử dụng khi thực hiện kiểm tra suy giảm giá trị và lập mô hình tính toán các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản. Chính vì vậy, việc áp dụng chuẩn mực vào thực tế còn có những hạn chế nhất định. Để giúp cho Chuẩn mực IAS 36 trong thực tiễn phát huy có hiệu quả, về phía cơ quan quản lý Nhà nước, cần có hành lang pháp lý phù hợp và quy định cụ thể, rõ ràng và chuẩn mực chung, nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Về phía DN, cần trang bị kỹ càng các kiến thức về IFRS để sẵn sàng áp dụng khi thực hiện chuyển đổi hệ thống kế toán sang áp dụng IFRS ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Tài chính (2020), Quyết định số 345/QĐ-BTC, ngày 16/3/2020 phê duyệt Đề án áp dụng IFdRS.

Nguyễn Thị Tâm (2021), Ghi nhận, đo lường sự suy giảm giá trị tài sản tại các doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí Tài chính, kỳ 2, tháng 12/2021.

Phạm Thị Minh Hồng (2016), Nghiên cứu áp dụng kế toán suy giảm giá trị TSCĐ hữu hình tại Việt Nam, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Ngày nhận bài: 5/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/1/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 6/2/2025

APPLYING IAS 36 ON ASSET IMPAIRMENT: PRACTICAL CHALLENGES AND LIMITATIONS IN VIETNAM

● **DANG THI BICH NGOC**

Banking Academy of Vietnam

ABSTRACT:

In the era of rapid scientific and technological advancement, enterprises increasingly benefit from innovations and technical progress by investing in fixed assets such as machinery and equipment to enhance production capacity. However, alongside these opportunities come significant challenges, particularly the risk of technological obsolescence, which may lead to a decline in asset value. In Vietnam, the recognition and measurement of fixed asset impairment remain limited due to a lack of detailed and suitable accounting standards that accurately reflect such changes. This study examines the theoretical foundations of asset impairment under International Accounting Standard IAS 36 - Impairment of Assets, aiming to clarify its principles, methods, and relevance in the context of international economic integration. Additionally, the study identifies key difficulties and limitations in the application of IAS 36 within Vietnam's accounting environment and proposes practical recommendations to enhance its adoption. These solutions are expected to support businesses in aligning with international standards and improving the quality and transparency of financial reporting.

Keywords: IAS 36, impairment of assets, accounting for fixed assets, impairment of assets, measurement of impairment.